

# QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC, ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

TS NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Tư duy về đối tác của ngoại giao Việt Nam đã có từ rất sớm. Trong lời kêu gọi gửi Liên hợp quốc năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “đối với các nước dân chủ, Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trên mọi lĩnh vực”. Đồng thời, Người tuyên bố: “Việt Nam sẽ hợp tác với mọi nước vui lòng hợp tác thật thà và bình đẳng với Việt Nam”; “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ, không gây thù oán với một ai”<sup>1</sup>.**

Những năm đầu của thời kỳ đổi mới, Việt Nam chủ trương xây dựng chính sách đối ngoại trên tinh thần “*thêm bạn, bớt thù*”. Đại hội VII nêu rõ “Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” và chủ trương này tiếp tục được khẳng định qua các kỳ Đại hội VIII, IX, X. Đến Đại hội XI, đường lối đối ngoại đã phát triển lên tầm cao mới: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”<sup>2</sup>.

Với việc lập quan hệ đối tác chiến lược với Nga năm 2001, Việt Nam là 1 trong 5 nước tiên phong đầu tiên thiết lập quan hệ đối tác chiến lược. Cho tới nay, Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược với 14 quốc gia, quan hệ đối tác chiến lược theo lĩnh vực với 2 nước và quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước khác. Năm 2013, Việt Nam

đã hoàn thành việc xác lập các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với tất cả 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Cùng với các mối quan hệ truyền thống, đặc biệt với các nước bạn láng giềng Lào, Campuchia, các nước trong cộng đồng ASEAN, các khuôn khổ quan hệ này đã góp phần tích cực triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác mọi mặt của Việt Nam với các nước trên thế giới.

## 1. Đóng góp tầm chiến lược

Một là, việc thiết lập khuôn khổ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, Việt Nam cơ bản hoàn thành việc xác lập vị trí trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, láng giềng, tạo cơ sở quan trọng đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác phát triển ổn định, thiết thực và hiệu quả trong trung và dài hạn. Riêng trong quan hệ đối tác chiến lược, 90 triệu đồng bào Việt Nam đã có khuôn khổ quan hệ ở mức cao với 3,5 tỷ người và gần với thị trường của 13 nước đối tác chiến lược với tổng GDP đạt 33.489 tỷ USD (gấp hơn 200 lần GDP của Việt Nam)<sup>3</sup>. Việc xác lập mạng

lưới quan hệ gắn kết ở mức cao này góp phần quan trọng vào việc ổn định môi trường an ninh - đối ngoại của Việt Nam cũng như phát triển lòng tin với các đối tác.

*Hai là*, nâng tầm vị thế của Việt Nam trong quan hệ bình đẳng với các đối tác; cộng đồng quốc tế đã nhìn nhận Việt Nam với vai trò và ảnh hưởng nhất định trong khu vực. Trong khuôn khổ chính sách đối ngoại của các nước đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, Việt Nam đã được đặt ở vị trí quan trọng trong chính sách của các nước đối với châu Á - Thái Bình Dương, Liên hợp quốc và các tổ chức liên chính phủ.

*Ba là*, làm gia tăng xu hướng hợp tác và cam kết chính trị ở các cấp cao nhất, tôn trọng lựa chọn thể chế chính trị của Việt Nam. Việt Nam với các nước đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, có nhiều cơ hội để tăng cường hợp tác, phát triển hiểu biết, thu hẹp và kiểm soát khác biệt. Các khuôn khổ quan hệ mới thiết lập đã làm gia tăng xu hướng đối thoại, giúp làm rõ những khác biệt, qua đó giảm thiểu những căn nguyên hiểu lầm chiến lược.

*Bốn là*, lòng tin với các đối tác chiến lược và độ tin cậy với các đối tác toàn diện được củng cố và nâng lên. Trong khuôn khổ quan hệ mới, việc xích lại gần nhau hơn là tiền đề cho việc tăng cường gặp gỡ, trao đổi và tiếp xúc cấp cao. Trong năm 2013 - năm đối ngoại Việt Nam, đạt nhiều thành tựu quan trọng; Việt Nam đã có trao đổi đoàn ở các cấp cao nhất với 13 đối tác chiến lược, trong đó một số nguyên thủ quốc gia chọn Việt Nam là một trong những nước tới thăm đầu tiên sau khi nhậm chức. Quan hệ phối hợp trên các diễn đàn đa phương cũng như vấn đề khu vực được thúc đẩy; các cơ chế đối thoại được tăng cường và lập mới; hợp tác và đối thoại quốc phòng, an ninh ngày càng phát huy hiệu quả góp phần củng cố và làm gia tăng sự tin cậy chính trị.

*Năm là*, tạo cho đất nước một hệ thống các đối tác gắn gũi, gắn kết, lợi ích đan xen trên mọi tầng nấc láng giềng, khu vực Đông Nam Á, châu Á và rộng lớn hơn ở toàn cầu. Trong tất cả nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện của Việt Nam, mục tiêu là hợp tác vì hòa bình, ổn định để phát triển và đóng góp vào hòa bình, phồn thịnh của khu vực, vì phát triển của các dân tộc trên thế giới... Đó là thông điệp về những nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam và cũng khẳng định sự công nhận và ủng hộ vững chắc của các nước đối với đường lối đối ngoại hòa bình của nước ta.

Các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện ủng hộ và đánh giá cao tiếng nói và đóng góp của Việt Nam vào việc giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng quốc tế. Trên các diễn đàn khu vực và quốc tế, dấu ấn của Việt Nam đậm đàng thành công nhiệm vụ Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (2008-2009) là hành trang quý, tín chỉ quan trọng thể hiện năng lực quốc tế của Việt Nam. Việc các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đặc biệt là các nước lớn ủng hộ Việt Nam ứng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã tạo đà để các đối tác khác bỏ phiếu ủng hộ Việt Nam (184/193 phiếu). Các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện đã có tiếng nói tích cực ủng hộ lợi ích và vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa trong việc công nhận các di sản thế giới cho Việt Nam cũng như việc Việt Nam lần đầu tiên ứng cử thành công vào Ủy ban Di sản Quốc tế (tháng 11-2013).

## 2. Các đóng góp phục vụ phát triển

Khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện đã tạo ra nhiều cơ hội cho tăng cường hợp tác phục vụ phát triển. Việt Nam đã triển khai hiệu quả quan hệ với các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện để phát triển nội

lực hình thành những ngành mũi nhọn của Việt Nam. Kim ngạch thương mại đã gia tăng đáng kể góp phần đưa cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng gia tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và sản phẩm có giá trị tăng cao.

Một là, đầu tư trực tiếp từ các nước đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, trong đó có Hoa Kỳ là nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững của Việt Nam. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu rất khó khăn, độ tin cậy chính trị chi phối tính toán đầu tư của các nước đối tác. Đầu tư trực tiếp từ các đối tác chiến lược và Hoa Kỳ vào Việt Nam liên tục tăng đạt mức 8,35 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2013 chiếm 91% tổng đầu tư FDI vào Việt Nam. Hầu hết các dự án trọng điểm quốc gia là dự án hợp tác với một trong các đối tác chiến lược (dự án nhà máy điện hạt nhân số 1 với Nga, số 2 với Nhật Bản; Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc...).

Hợp tác dầu khí với Liên bang Nga là biểu tượng thành công của hợp tác hai nước trong giai đoạn mới với hiệu quả cao đóng góp tích cực vào sự phát triển của hai nước. Trên cơ sở kết quả đó, hai bên lập thêm các Liên doanh giữa Petro Việt Nam và các đối tác Nga triển khai dự án khai thác dầu khí tại Nga và cả ở nước thứ ba, mở ra triển vọng mới cho phát triển lâu dài và vươn ra quốc tế của ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam.

Việt Nam và Trung Quốc đang tích cực tăng cường hợp tác phục vụ phát triển và nâng cao đời sống nhân dân hai nước. Hiện nay, Trung Quốc có 913 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số

vốn đăng ký khoảng 4,7 tỷ USD. Trung Quốc là nhà thầu công trình hạ tầng (theo hình thức trọn gói từ đầu tư, thiết kế, thi công - EPC) lớn của Việt Nam, chiếm 24% về số lượng và 48% về giá trị (khoảng 5 tỷ USD). Hiện nay, hai nước đang thúc đẩy sớm triển khai thực hiện thêm 5 dự án lớn về cơ sở hạ tầng: đường sắt cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Lạng Sơn, đường cao tốc Lạng Sơn - Hà Nội, Móng Cái - Hạ Long, cầu Tà Lùng II, cầu Bắc Luân.

**Văn kiện Đại hội XI của Đảng (2011) nhấn mạnh: Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hoà bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.**

Hỗ trợ phát triển (ODA) của các nước đối tác chiến lược và đối tác toàn diện cho Việt Nam đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển cơ sở hạ tầng và trong những ngành mũi nhọn với định hướng chiến lược lâu dài. Từ năm 2010, Việt Nam đã nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp nhưng các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện vẫn duy trì, một số nước vẫn tăng mức ODA cho Việt Nam. Tổng ODA cam kết cho Việt Nam 1993-

2013 là 78 tỷ USD, trong đó 63 tỷ USD đã được ký kết và 42 tỷ USD đã được giải ngân. Trong đó, vốn ODA từ Nhật Bản chiếm 30% tổng ODA vào Việt Nam. Riêng năm 2013, ODA cam kết của Nhật Bản cho Việt Nam là 1,4 tỷ USD<sup>4</sup>. Bên cạnh ODA ưu tiên cho lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, ODA dành cho lĩnh vực trọng điểm khác mang tính chiến lược cho phát triển lâu dài của Việt Nam từ các đối tác chiến lược cũng được gia tăng.

Hai là, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam với các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch thương

mại của Việt Nam trong xu hướng tăng đều ổn định. Tổng kim ngạch thương mại của ta với 13 đối tác chiến lược 9 tháng đầu năm 2013 đạt 148 tỷ USD, chiếm 76,7% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam. Đáng chú ý, kim ngạch thương mại của Việt Nam với các đối tác chiến lược đều tăng từ 1,3 tới 6 lần so với thời điểm trước khi lập quan hệ đối tác chiến lược. Hoa Kỳ coi Việt Nam là 1 trong 11 quốc gia ưu tiên phát triển thương mại. Kim ngạch thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ năm 2013 tăng hơn 50 lần so với mức 451 triệu USD năm 1995 khi hai nước bình thường hóa quan hệ.

*Ba là*, góp phần đưa quan hệ với các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu tạo điều kiện để Việt Nam tham gia đàm phán một số hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực có tầm cỡ như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); ký tắt với EU Hiệp định khung về đối tác và hợp tác toàn diện (PCA) và đàm phán FTA với EU; đàm phán trong khuôn khổ Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); đàm phán FTA với Liên minh hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan; và với Hàn Quốc. Cùng với 8 hiệp định FTA đang có hiệu lực, lần đầu tiên Việt Nam thiết lập được mạng lưới 56 đối tác FTA để tạo nền tảng quan hệ với tất cả các trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

*Bốn là*, Việt Nam đang cùng với các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện thúc đẩy giao lưu nhân dân, gắn kết văn hóa, thúc đẩy hợp tác lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam cũng như bà con kiều bào. Khách du lịch từ 13 đối tác chiến lược đến Việt Nam liên tục tăng, chiếm tỷ lệ lớn trong lượng du khách quốc tế. Các đối tác này luôn tích cực phối hợp với Việt Nam tổ chức các sự kiện tuần/ngày văn hóa Việt Nam ở nước ngoài cũng như nhiều sự kiện văn hóa tầm cỡ quốc tế tại Việt

Nam. Một số đối tác chiến lược như Nhật Bản, Hàn Quốc mở rộng việc tiếp nhận lao động từ Việt Nam, ban hành nhiều quy định, chính sách hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho kiều bào, người Việt Nam định cư ở Hàn Quốc... Cùng với các đối tác tại châu Âu như Nga, Đức, Anh... Việt Nam đã tăng cường hợp tác xây dựng và củng cố địa vị pháp lý của người Việt định cư ở các nước này.

Điều rõ ràng là những kết quả hợp tác chiến lược từ lĩnh vực chính trị-ngoại giao đã có tác động lan tỏa sang tất cả các lĩnh vực khác đặc biệt là kinh tế, thương mại và đầu tư. Mạng lưới đối tác chiến lược và đối tác toàn diện cùng với mạng lưới với 56 đối tác thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA) là cơ sở quan trọng thúc đẩy phát triển. Doanh nghiệp các bên có nhiều cơ hội mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, cải thiện sức cạnh tranh qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động. Đây vừa là động lực, vừa là định hướng quan trọng để Việt Nam tái cơ cấu nền kinh tế, phát huy các lợi thế cạnh tranh của đất nước.

*Năm là*, góp phần hình thành biện pháp ổn định lâu dài giải quyết tranh chấp chủ quyền, và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Vấn đề chủ quyền, biên giới lãnh thổ luôn là hiện thực khách quan trong quan hệ giữa nhiều nước láng giềng, là vấn đề phức tạp khó giải quyết giữa các bên có tranh chấp, nhưng lại là chủ đề tế nhị đối với các bên không trực tiếp liên quan. Trong khuôn khổ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện Việt Nam đã cùng với các bên trực tiếp liên quan, cũng như các đối tác có quan tâm tới hòa bình ổn định trong khu vực tìm kiếm các biện pháp xử lý ổn định lâu dài trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Trong khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, Việt Nam và Trung Quốc đã hoàn thành đàm phán phân giới cắm mốc toàn tuyến

biên giới đất liền (năm 2008) ký và triển khai 3 văn kiện quản lý biên giới và cửa khẩu; chính thức hoàn tất phân giới cắm mốc biên giới trên bộ (năm 2009). Đây là thắng lợi chung của hai nước sau 35 năm đàm phán và là sự kiện lịch sử quan trọng khi hai nước có đường biên giới rõ ràng. Cùng với việc hoàn tất phân định Vịnh Bắc Bộ (năm 2000), hai nước giải quyết xong 2 trong 3 vấn đề do lịch sử để lại. Kinh tế biển của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ có “quy hoạch” rõ ràng cho chiến lược phát triển dài hạn. Nhiều ý tưởng liên kết, hợp tác cùng phát triển trong Vịnh Bắc Bộ đang hình thành rõ nét. Đây là điểm nhấn quan trọng giúp củng cố và phát triển lòng tin giữa hai nước.

Biển Đông dù còn vô vàn phức tạp do có vấn đề liên quan tới hai nước và có vấn đề liên quan tới nhiều nước khác. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Trung đã phát huy vai trò tích cực trong việc tạo lòng tin, làm cơ sở cho các bên trực tiếp đối thoại, trao đổi, đàm phán để cùng tìm ra giải pháp trên cơ sở luật pháp quốc tế. Trong quá trình tiến tới giải pháp lâu dài cho những vấn đề song phương, Việt Nam và Trung Quốc cùng nhau phối hợp kiểm soát xử lý vụ việc nảy sinh, giải tỏa căng thẳng, ngăn ngừa xung đột thông qua một số biện pháp quan trọng như: Thứ nhất, ký thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển; Thứ hai, mở thêm 3 cơ chế: đàm phán về khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ; hợp tác trong lĩnh vực ít nhạy cảm và nhóm bàn bạc hợp tác cùng phát triển (*đặt dưới cơ chế đàm phán cấp Chính phủ*); Thứ ba, thiết lập đưa vào triển khai 4 cơ chế đường dây nóng kiểm soát không phận giữa hai nước.

Trên bình diện rộng lớn hơn, Biển Đông tồn tại bất đồng/khác biệt liên quan nhiều nước, lại là tuyến hàng hải quốc tế quan trọng bậc nhất.

Do đó, việc đóng góp xây dựng của các nước vào việc duy trì hòa bình, ổn định tại khu vực trong đó có Biển Đông là đòi hỏi khách quan. Biển Đông luôn là mối quan tâm chung của nhiều nước, là chủ đề thường xuyên tại nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế. Các nước quan tâm đều thể hiện mong muốn các bên kiềm chế và ủng hộ chủ trương giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình thông qua đối thoại trên cơ sở luật pháp quốc tế, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS). Đồng thời, các nước đề cao việc thực hiện nghiêm túc Tuyên bố chung về hành xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và bày tỏ ý chí sớm hoàn thành và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của các bên trên Biển Đông (COC). Đồng thời, các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện còn là những đối tác quan trọng trong hợp tác an ninh quốc phòng, trong đó có việc tăng cường năng lực bảo vệ, kiểm soát và quản lý biển, giúp Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

---

1. Phạm Bình Minh (Chủ biên): *Định hướng chính sách đối ngoại đến 2020*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 28

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 94

3, 4, 5. Xem Phát biểu tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 28 của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh, Báo Nhân dân, ngày 20-12-2013.